

Bản án số: 17/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 28-02-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân; ông Phạm Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/02/2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Yên Văn K - Sinh năm 1989 – Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị T - Sinh năm 1993 – Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa - Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Yên Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 08/4/2014. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi kết hôn anh chị chung sống và làm ăn tại tỉnh Khánh Hòa, sau đó đến giữa năm 2015, anh trở về N để làm ăn sinh sống nhưng chị T không đồng ý về cùng. Anh đã nhiều lần thuyết phục chị T nhưng không được. Vì xa cách nên vợ chồng không hòa thuận. Anh và chị T sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị T theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng anh có 01 con chung là Yên Lê Đức K1 - Sinh ngày: 08/11/2014. Hiện cháu đang ở với anh. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 27/12/2024, bị đơn chị Lê Thị T trình bày:
Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Yên Văn K.
Về con chung: Chị đồng ý cho anh K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Yên Lê Đức K1, sinh ngày 08/11/2014 và chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên hòa giải, chị T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Yên Văn K, cho anh K được ly hôn chị Lê Thị T. Về con: Giao cháu Yên Lê Đức K1 - Sinh ngày 08/11/2014 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh K phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của anh Yên Văn K, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Yên Văn K có đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Lê Thị T có địa chỉ ở thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, đồng thời anh, chị có đơn chọn Tòa án ND huyện N, tỉnh Thanh Hóa để giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên theo quy định khoản 1, 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử - vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Yên Văn K và chị Lê Thị T kết hôn ngày 08/4/2014, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh K là do sau khi kết hôn anh chị chung sống và làm ăn tại tỉnh Khánh Hòa, sau đó đến giữa năm 2015, anh trở về N để làm ăn sinh sống nhưng chị T không đồng ý về cùng, anh đã nhiều lần

thuyết phục chị T nhưng không được. Anh K và chị T sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng không còn.

HĐXX xét thấy, anh K và chị T có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh K yêu cầu ly hôn chị T, chị T đồng ý. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 20/12/2024, đại diện thôn B, xã N cho biết: Anh K và chị T kết hôn năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống và làm việc tại tỉnh Khánh Hòa, đến năm 2015 anh K cùng con trở về địa phương ở xã N sinh sống từ đó đến nay nhưng không thấy chị T về cùng, nghe nói là do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Như thế chứng tỏ cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho anh K được ly hôn chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh K và chị T có 01 con chung là cháu Yên Lê Đức K1 - Sinh ngày 08/11/2014, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị T đồng ý. Mặt khác, cháu K1 hiện đang ở với anh K và có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, cần xử giao cháu K1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Anh K không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Anh K và chị T không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Yên Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Yên Văn K, cho anh K được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con: Giao cháu Yên Lê Đức K1 - Sinh ngày 08/11/2014 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Yên Văn K phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà anh đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006429 ngày 05/12/2024 của Chi cục THADS huyện N; anh K đã nộp đủ tiền án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Anh K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thủy